

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiêm;

Thẩm phán: Ông Phùng Đức Chính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lã Xuân Trường;

Ông Lê Hùng Cường;

Ông Nông Dương Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Ảnh, bà Nguyễn Thị Khanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2023/TLST-HS, ngày 12 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HS, ngày 08 tháng 01 năm 2024; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03/2024/HSST-TB ngày 16 tháng 01 năm 2024, 05/2024/HSST-TB ngày 01 tháng 02 năm 2024, 08/2024/HSST-TB ngày 27 tháng 02 năm 2024, 12/2024/HSST-TB ngày 25 tháng 3 năm 2024; Quyết định thay đổi Thẩm phán tham gia xét xử vụ án hình sự sơ thẩm số 45/2024/QĐ-TA ngày 23 tháng 4 năm 2024; Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân tham gia xét xử vụ án hình sự sơ thẩm số: 46/2024/QĐ-TA ngày 23 tháng 4 năm 2024, đối với:

- Các bị cáo:

1. Phạm Đức H, sinh ngày 01 tháng 02 năm 1981 tại huyện H, tỉnh Ninh Bình. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đức V và bà Hà Thị T; có vợ là Đinh Thị Chung T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt để tạm giam từ ngày 23-8-2022 đến nay; có mặt.

2. Bế Xuân K, sinh ngày 08 tháng 11 năm 1978 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Cán bộ Công ty cổ phần xi măng Đ, là đảng viên Đảng cộng sản Việt

Nam sinh hoạt tại Chi bộ Văn phòng, Đảng bộ Bộ phận Xi măng Đ thuộc Đảng bộ Xi măng T, đã đình chỉ sinh hoạt đảng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bé Xuân K và bà Phạm Thị H; có vợ là Nguyễn Thị Thu H và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt để tạm giam từ ngày 23-8-2022 đến nay; có mặt.

3. Nguyễn Hồng N, sinh ngày 07 tháng 8 năm 1988 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Đường C, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại L, là Đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn H khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021-2026, đã tạm đình chỉ thực hiện nhiệm vụ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng V (đã chết) và bà Vũ Thị B; có vợ là Nguyễn Thị Huyền T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Đức H:

1. Ông Nông Văn K, Luật sư Văn phòng luật sư N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Bà Trần Thị H; có mặt.

3. Ông Đặng Thành C; vắng mặt.

Luật sư Công ty luật trách nhiệm hữu hạn P thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

4. Ông Trần Xuân T; có mặt.

5. Bà Trần Thị H; vắng mặt.

Luật sư Văn phòng luật sư Đ thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội

- Người bào chữa cho bị cáo Bé Xuân K:

1. Ông Vũ Văn Đ, Luật sư Văn phòng luật sư V thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Ông Hà Công T; có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị V; có mặt.

Luật sư Công ty luật TNHH O thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hồng N:

1. Ông Hoàng N; có mặt.

2. Ông Nguyễn Tài H; có mặt.

Luật sư Văn phòng luật sư N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn.

3. Ông Hoàng Văn Q; vắng mặt.

4. Ông Trần Quốc C; vắng mặt.

Luật sư Công ty luật trách nhiệm hữu hạn D thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

- *Bị hại*: Công ty cổ phần xi măng Đ. Trụ sở tại: Thôn C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Cao S – Giám đốc; vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn Đ – Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Chu Thị Nguyễn P, sinh năm 1963; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Đường Lý Thái T, khối 9, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Chị Đinh Thị Chung T, sinh năm 1984; trú tại: Thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1980; trú tại: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Chị Đỗ Thị O, sinh năm 1987; nơi đăng ký thường trú: Phố T, phường P, quận N, Thành phố Hà Nội. Chỗ ở: Thôn M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977; trú tại: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

5. Ông Bé Xuân B, sinh năm 1968; trú tại: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

6. Anh Lương Văn H, sinh năm 1978; trú tại: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

1. Tập đoàn Xi măng T. Trụ sở tại: Lô C7, cụm công nghiệp G, huyện G, tỉnh Ninh Bình. *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Hoàng Mạnh T – Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Xi măng T. *Người đại diện theo ủy quyền*: Bà Đỗ Thị H – Giám đốc Ban kế hoạch tổng hợp - Tập đoàn Xi măng T; vắng mặt.

2. Anh Phạm Văn G, sinh năm 1983; trú tại: Thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

3. Ông Đỗ Cao S, sinh năm 1973; trú tại: Đường N, phường H, thành phố P, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

4. Anh Đinh Công H, sinh năm 1983; trú tại: Đường X, thôn T, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

5. Anh Phùng Quang H, sinh năm 1982; trú tại: Thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

6. Anh Hoàng Quốc A, sinh năm 1981; trú tại: Thôn B, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Anh Lê Thái T, sinh năm 1975; nơi đăng ký thường trú: Khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở: Thôn P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

8. Chị Hoàng Thị Phương D, sinh năm 1983; trú tại: Thôn P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Anh Nguyễn Bá P, sinh năm 1985; nơi đăng ký thường trú: Thôn H, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. Nơi đăng ký tạm trú: Thôn C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

10. Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1986; trú tại: Phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần Xi măng Đ (gọi tắt là Công ty Xi măng Đ) địa chỉ tại thôn C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là đơn vị thuộc Tập đoàn Xi măng T (có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp G, huyện G, tỉnh Ninh Bình), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số 4900225282, đăng ký lần đầu ngày 24/11/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 07/01/2019, người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Văn G, sinh ngày 26/7/1983, trú tại thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình. Đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 21/9/2021 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13/9/2022, người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Cao S, sinh ngày 05/01/1983, trú tại tổ B, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Bé Xuân K giữ chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch - Vật tư theo Quyết định bổ nhiệm số 322/14/QĐBN-XMĐB ngày 01/12/2014 và Phạm Đức H giữ chức vụ Tổ trưởng Tổ nguyên, nhiên liệu đầu vào, trực thuộc phòng Kế hoạch - Vật tư theo Quyết định bổ nhiệm số 2018/QĐBN-VIS.ĐB ngày 05/7/2018 của Giám đốc Công ty Xi măng Đ.

Khoảng cuối năm 2019, do không vay được vốn để đầu tư máy móc tự khai thác mỏ nên ông Phạm Văn G, Giám đốc Công ty Xi măng Đ đã xin Ban Lãnh đạo Tập đoàn Xi măng T cho chủ trương để Công ty thuê đơn vị ngoài khai thác, bốc xúc, vận chuyển đá sét từ mỏ tại thôn C, thị trấn C, huyện C về kho bãi của Công ty Xi măng Đ phục vụ sản xuất xi măng và được Lãnh đạo Tập đoàn đồng ý. Trong một số cuộc họp của Công ty Xi măng Đ, ông Phạm Văn G đã thông báo cho Lãnh đạo Công ty và Lãnh đạo các Phòng, Ban, Đội, Xưởng về chủ trương thuê đơn vị ngoài thực hiện khai thác, bốc xúc, vận chuyển đá sét từ mỏ về kho

bãi của Công ty và giao cho Bé Xuân K đi khảo sát giá, lựa chọn đơn vị có năng lực khai thác, bốc xúc, vận chuyển, lập tờ trình duyệt và báo cáo Lãnh đạo Công ty để ký kết hợp đồng.

Do được Phạm Văn G nói lại Công ty H, có địa chỉ tại huyện G, tỉnh Ninh Bình là đối tác lâu năm của Công ty Xi măng Đ nhưng không đủ năng lực để ký hợp đồng nên Bé Xuân K nói với Phạm Đức H là Công ty H không tham gia vận chuyển và giao cho Phạm Đức H đi khảo sát giá và năng lực thực hiện của các doanh nghiệp trên địa bàn.

Phạm Đức H đi khảo sát giá tại một số doanh nghiệp và cũng có một số doanh nghiệp gọi điện cho Phạm Đức H báo giá là 35.000 đồng/tấn và đề nghị cho họ tham gia. Phạm Đức H tự tính toán tại thời điểm tháng 6/2020, với 01 máy xúc PC300, 01 xe 04 chân, 02 xe 03 chân, khối lượng bốc xúc 12.000 - 15.000 tấn thì đơn giá khoảng 28.000 đồng/tấn - 35.000 đồng/tấn là hợp lý.

Khoảng giữa năm 2020, Lê Thái T, là chủ Cơ sở sản xuất T biết được Công ty Xi măng Đ có chủ trương thuê đơn vị ngoài thực hiện khai thác, bốc xúc, vận chuyển đá sét từ mỏ về kho bãi của Công ty nên đã gặp, trao đổi và thống nhất với Hoàng Quốc A là Giám đốc Công ty L1, địa chỉ tại thôn B, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn về việc Lê Thái T sẽ sử dụng tư cách pháp nhân của Công ty L1 để xây dựng hồ sơ năng lực và chào giá 35.000 đồng/tấn gửi Công ty Xi măng Đ đề nghị tham gia bốc xúc, vận chuyển. Sau đó, Lê Thái T bảo vợ là Hoàng Thị Phương D soạn thảo hồ sơ năng lực, rồi đưa cho Phùng Quang H, Nhân viên phòng Điều hành Trung tâm Công ty Xi măng Đ; H đưa hồ sơ cho Nguyễn Tất T, Giám đốc Sản xuất Công ty Xi măng Đ để đưa cho Bé Xuân K nhờ giúp đỡ. Bé Xuân K nói lại cho Phạm Đức H biết thông tin về giá 35.000 đồng/tấn do nhà Lê Thái T, Hoàng Thị Phương D đưa ra, nhưng vì không có ý định lựa chọn nên Bé Xuân K không tiến hành xác minh, đánh giá năng lực của đơn vị này.

Từ các thông tin về giá tham khảo và giá do Phạm Đức H tự tính toán xác định giá bốc xúc, vận chuyển đá sét khoảng 35.000 đồng/tấn, Bé Xuân K và Phạm Đức H bàn nhau nâng giá từ 35.000 đồng/tấn lên 48.000 đồng/tấn, nhằm chiếm đoạt số tiền chênh lệch khoảng 13.000 đồng/tấn của Công ty Xi măng Đ. Sau khi thống nhất với Bé Xuân K, Phạm Đức H đã gọi điện cho Nguyễn Hồng N - Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L (gọi tắt là Công ty L), là đối tác lâu năm của Công ty Xi măng Đ, địa chỉ tại đường C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn đặt vấn đề thuê Công ty L bốc xúc và vận chuyển đá sét với giá hợp đồng dự kiến là 48.000 đồng/tấn, đã bao gồm 10% thuế VAT, Phạm Đức H nói với Nguyễn Hồng N, Phạm Đức H đã tự tính được giá chỉ khoảng 35.000 đồng/tấn và nêu điều kiện để Công ty L được ký hợp đồng là số tiền lợi nhuận phải được chia đều 05 phần cho 05 người gồm Phạm Văn G - Giám đốc, Đinh Công H - Phó Giám đốc, Bé Xuân K - Trưởng phòng Kế hoạch - Vật tư, Phạm Đức H và Nguyễn Hồng N, mỗi người 01 phần, nếu đồng ý chia như trên thì mới được làm. Phạm Đức H còn nói sẽ tạo điều kiện để Công ty L được thanh toán tiền nhanh, không bị nợ lại, nếu đá to và lẫn màu thì vẫn được nghiệm thu không bị trả lại, tạo điều

kiện xin ban lãnh đạo cho tăng sản lượng khai thác để giảm giá thành, tiền nợ cũ cũng sẽ được thanh toán một phần, Nguyễn Hồng N đồng ý.

Sau khi trao đổi thống nhất với Nguyễn Hồng N giá 48.000 đồng/tấn và các điều kiện trên, Bế Xuân K và Phạm Đức H đã báo cáo Phạm Văn G với nội dung Công ty H báo giá 50.000 đồng/tấn chưa có thuế VAT (thực tế Công ty H không tham gia từ đầu, mục đích Bế Xuân K và Phạm Đức H đưa Công ty H vào báo cáo là để Phạm Văn G có sự so sánh, lựa chọn), còn Công ty L báo giá 48.000 đồng/tấn đã có thuế VAT, đề nghị Phạm Văn G tạo điều kiện để Công ty L được ký hợp đồng và nói thêm Công ty L báo giá thấp hơn Công ty H và là đối tác lâu năm của Công ty Đ, có uy tín, kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác mỏ.

Sau khi nghe Bế Xuân K và Phạm Đức H báo cáo, Phạm Văn G làm báo cáo gửi Chủ tịch Tập đoàn T và Ban Vật tư về việc thuê Công ty L khai thác, bốc xúc, vận chuyển đá sét với giá là 48.000 đồng/tấn. Ngày 20/6/2020, Ban Vật tư nhận được báo cáo, Đỗ Thị H (Trưởng Ban Vật tư) gọi điện cho Nguyễn Hồng N đàm phán về giá và nói Tập đoàn chỉ đồng ý giá 45.000 đồng/tấn, Nguyễn Hồng N bảo để suy nghĩ. Sau đó Nguyễn Hồng N gọi cho Phạm Đức H, Phạm Đức H gọi cho Bế Xuân K, Bế Xuân K bảo đồng ý giá 45.000 đồng/tấn, Phạm Đức H gọi cho Nguyễn Hồng N, Nguyễn Hồng N gọi cho Đỗ Thị H nói Công ty L đồng ý giá 45.000 đồng/tấn.

Sau đó Đỗ Thị H chỉ đạo nhân viên của Ban Vật tư phối hợp với Công ty Xi măng Đ soạn thảo Hợp đồng kinh tế số 062020/ĐB-LV ngày 01/6/2020 (ghi lùi ngày) gửi cho Phạm Đức H, Phạm Đức H chuyển cho Nguyễn Hồng N ký và đóng dấu trước, rồi chuyển cho Đỗ Thị H ký nháy, sau đó chuyển cho Phạm Văn G - Giám đốc ký hoàn thiện hợp đồng để hai bên thực hiện. Đến ngày 01/4/2022, hai bên tiếp tục ký Phụ lục Hợp đồng số 01-2022/XMĐB-LV điều chỉnh đơn giá tăng lên 46.145,450 đồng/tấn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, hằng tháng căn cứ vào khối lượng đá sét mà Nguyễn Hồng N đã giao cho Công ty Xi măng Đ, hai bên đối chiếu số liệu thấy khớp thì Nguyễn Hồng N xuất hóa đơn giá trị gia tăng, Công ty Xi măng Đ thanh toán tiền cho Công ty L. Căn cứ vào số tiền do Công ty Xi măng Đ thanh toán, Nguyễn Hồng N ghi chi tiết vào sổ tay cá nhân các chi phí như thuê máy xúc, thuê xe ô tô, chi người trông máy..., số tiền còn lại chia làm 05 phần, Nguyễn Hồng N 01 phần, Phạm Đức H 04 phần, rồi chụp ảnh gửi qua zalo để Phạm Đức H kiểm tra, nếu thấy khớp thì đồng ý để Nguyễn Hồng N chuyển cho Phạm Đức H 04 phần bằng tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản của Hạnh số 8414222218888 tại Ngân hàng A Chi nhánh huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Từ tháng 6/2020 đến tháng 7/2022, tổng khối lượng đá sét mà Công ty L đã giao cho Công ty Xi măng Đ là **420.586,02 tấn** và được thanh toán số tiền là **18.943.471.088 đồng**. Sau khi trừ các chi phí, số tiền còn lại Nguyễn Hồng N giữ lại 01 phần và chuyển 04 phần bằng hình thức đưa tiền mặt và chuyển khoản cho Phạm Đức H với tổng số tiền là **6.705.252.000 đồng**.

Phạm Đức H, Bé Xuân K khai: Hằng tháng, sau khi nhận được tiền từ Nguyễn Hồng N, Phạm Đức H và Bé Xuân K tính toán các chi phí như ăn uống, mua quà và thống nhất biểu một số tiền cho Phạm Văn G - Giám đốc, Đinh Công H - Phó Giám đốc và sau này là Đỗ Cao S - Phó Giám đốc (Phạm Đức H là người đưa tiền cho Phạm Văn G và Đinh Công H, Bé Xuân K là người đưa tiền cho Đỗ Cao S); khi đưa tiền cho Phạm Văn G, Đinh Công H, Đỗ Cao S, Bé Xuân K và Phạm Đức H chỉ nói chung chung là tiền biểu, không nói là tiền có được từ việc nâng giá hợp đồng nêu trên; sau đó Phạm Đức H ghi ra giấy số tiền đã nhận từ Nguyễn Hồng N, các khoản mà Bé Xuân K, Phạm Đức H đã chi trong tháng và chụp gửi qua zalo để Bé Xuân K kiểm tra lại, thấy đúng thì thống nhất chia nhau số tiền còn lại, mỗi người một nửa.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn G, Đỗ Cao S, Đinh Công H đều khẳng định không biết, cũng không được nhận khoản tiền nào liên quan đến việc nâng giá hợp đồng bốc xúc, vận chuyển giữa Công ty Xi măng Đ với Công ty L; một số khoản tiền Phạm Văn G nhận được từ Phạm Đức H là tiền vay cá nhân; tiến hành đối chất, các bên vẫn giữ nguyên lời khai, do đó không có căn cứ để xác định Phạm Văn G, Đỗ Cao S, Đinh Công H đồng phạm với các bị cáo Phạm Đức H, Bé Xuân K về hành vi tham ô tài sản.

Ngày 01/6/2022, Nguyễn Hồng N đến Công an tỉnh Lạng Sơn tố giác hành vi phạm tội của Phạm Đức H và Bé Xuân K, tự thú về hành vi phạm tội của bản thân.

Cáo trạng số: 121/CT-VKSLS-P1 ngày 11-10-2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Phạm Đức H, Bé Xuân K, Nguyễn Hồng N về tội Tham ô tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Bé Xuân K từ chối luật sư Vũ Văn Đ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại trình bày: Việc ký kết hợp đồng là tự nguyện hợp pháp, các bên đã thực hiện hợp đồng không có tranh chấp; Công ty không bị thiệt hại; xin tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Bé Xuân K, Phạm Đức H, Nguyễn Hồng N và cho bị cáo Nguyễn Hồng N được cải tạo tại địa phương. Về bồi thường thiệt hại yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đối với bị cáo Bé Xuân K; yêu cầu bị cáo Phạm Đức H bồi thường số tiền 900.000.000đồng; bị cáo Nguyễn Hồng N đã tự nguyện bồi thường 150.000.000đồng, người đại diện cho bị hại chấp nhận mức bồi thường này và không yêu cầu bị cáo Nguyễn Hồng N bồi thường thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Đỗ Thị O, Nguyễn Văn Đ, Bé Xuân B, Lương Văn H, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bỏ lệnh phong tỏa về các thửa đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Thu H đã nộp tiền khắc phục hậu quả cho bị cáo Bé Xuân K và xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Đinh Thị Chung T và bị cáo Phạm Đức H đề nghị, tự nguyện dùng số tiền 275.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2021/000587 ngày 17-01-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn (Phạm Văn G nộp trong quá trình điều tra do đã vay của Phạm Đức H) để thi hành án; tự nguyện dùng số tiền hiện đang phong tỏa trong 02 tài khoản của bị cáo là 242.238.425 đồng để thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn thay đổi quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Phạm Đức H, Bé Xuân K, Nguyễn Hồng N phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17, 50, 58, 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Phạm Đức H từ 08 đến 09 năm tù; xử phạt bị cáo Bé Xuân K từ 07 đến 08 năm tù;

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s, r, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17, 50, 58, 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng N từ 03 đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Phạm Đức H, Bé Xuân K và Nguyễn Hồng N trả lại cho Công ty cổ phần xi măng Đ số tiền đã chiếm đoạt theo yêu cầu của người được bị hại ủy quyền; xác nhận các bị cáo đã nộp để bồi thường đầy đủ.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước tài sản liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Trả lại tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội. Tiếp tục duy trì lệnh phong tỏa 02 tài khoản của bị cáo Phạm Đức H để đảm bảo thi hành án. Hủy bỏ lệnh phong tỏa tài khoản đối với bị cáo Bé Xuân K. Hủy bỏ việc tạm dừng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Công văn số 1087/CQĐT ngày 28-11-2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đối với 02 thửa đất.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Đức H: Bị cáo Phạm Đức H không phạm tội Tham ô tài sản; nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, thay đổi tội danh đối với các bị cáo là Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đề nghị tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Phạm Đức H; nếu có thể đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt các bị cáo Bé Xuân K, Phạm Đức H về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ để xử phạt các bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất.

Người bào chữa cho bị cáo Bé Xuân K: Các bị cáo không phạm tội Tham ô tài sản; nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, thay đổi tội danh đối với các bị cáo là Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đề nghị tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Bé Xuân K; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về số tiền bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho thỏa đáng.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hồng N: Các bị cáo không phạm tội Tham ô tài sản; hành vi của bị cáo Nguyễn Hồng N phạm tội gì là do Hội đồng xét xử quyết định; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Hồng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt. Lời khai của các bị cáo là phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong vụ án, phù hợp với diễn biến vụ án.

[3] Xét thấy, các bị cáo Bé Xuân K, Phạm Đức H, Nguyễn Hồng N không được giao trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty cổ phần Xi măng Đ nên không có căn cứ cho rằng các bị cáo đã tham ô tài sản của Công ty. Căn cứ theo Hợp đồng lao động và Bảng phân công công việc của Bé Xuân K và Phạm Đức H (BL 284 – BL 296) và theo Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần Xi măng Đ (BL 1022 - BL 1066) thì cả Bé Xuân K và Phạm Đức H không có thẩm quyền trong việc ký kết hợp đồng và quyết định về giá dịch vụ khi thuê đơn vị khai thác và vận chuyển đá sét. Nguyễn Hồng N cũng khẳng định Bé Xuân K và Phạm Đức H không có bất cứ thẩm quyền gì trong việc ký kết Hợp đồng kinh tế số 062020/ĐB-LV ngày 1/6/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 01-2022/XMĐB-LV ngày 1/4/2022 (BL 747). Đại diện Tập đoàn T (lời khai của bà Đỗ Thị H) và đại diện Công ty cổ phần Xi măng Đ đều khẳng định bản thân Phạm Đức H và Bé Xuân K không có thẩm quyền quyết định về giá của Hợp đồng, cũng như không có thẩm quyền quyết định việc ký hay không ký Hợp đồng. Giá dịch vụ do Ban vật tư của Tập đoàn T quyết định sau khi thương thảo với đối tác, người đại diện của Công ty Xi măng Đ ký kết hợp đồng với Công ty L trên cơ sở giá dịch vụ mà Ban vật tư đã thương thảo với đối tác và quyết định. Do đó, hành vi của các bị cáo không phạm tội Tham ô tài sản theo quy định tại Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Khoảng giữa năm 2020, Lê Thái T, là chủ Cơ sở sản xuất T biết được Công ty Xi măng Đ có chủ trương thuê đơn vị ngoài thực hiện khai thác, bốc xúc, vận chuyển đá sét nên đã gặp, trao đổi và thống nhất với Hoàng Quốc A là Giám đốc Công ty L1 về việc Lê Thái T sẽ sử dụng tư cách pháp nhân của Công ty L1 để xây dựng hồ sơ năng lực và chào giá 35.000 đồng/tấn gửi Công ty Xi măng Đ đề nghị tham gia bốc xúc, vận chuyển. Sau đó Lê Thái T bảo vợ là Hoàng Thị Phương

D, soạn thảo hồ sơ năng lực, rồi đưa cho Phùng Quang H, Nhân viên phòng Điều hành Trung tâm Công ty Xi măng Đ; Phùng Quang H đưa hồ sơ cho Nguyễn Tất T, Giám đốc Sản xuất Công ty Xi măng Đ để đưa cho Bé Xuân K nhờ giúp đỡ. Bé Xuân K nói lại cho Phạm Đức H biết thông tin về giá 35.000 đồng/tấn do nhà Lê Thái T, Hoàng Thị Phương D đưa ra, nhưng vì không có ý định lựa chọn nên Bé Xuân K không tiến hành xác minh, đánh giá năng lực của đơn vị này. Theo khảo sát giá ban đầu, Phạm Đức H xác định chi phí thực tế cho việc khai thác, bốc xúc, vận chuyển đá sét là 35.000đồng/tấn.

[5] Sau khi tham khảo giá trên địa bàn và giá tự tính toán xác định giá bốc xúc, vận chuyển đá sét khoảng 35.000 đồng/tấn, các bị cáo Phạm Đức H, Bé Xuân K đã bàn bạc thống nhất tự nâng giá lên 48.000 đồng/tấn nhằm chiếm đoạt số tiền chênh lệch. Sau khi thống nhất với Bé Xuân K, Phạm Đức H đã gọi điện cho Nguyễn Hồng N đặt vấn đề thuê Công ty L bốc xúc và vận chuyển đá sét với giá hợp đồng dự kiến là 48.000 đồng/tấn, đã bao gồm 10% thuế VAT, Phạm Đức H nói với Nguyễn Hồng N đã tự tính được giá chỉ khoảng 35.000 đồng/tấn, nếu Công ty L muốn ký được hợp đồng thì lợi nhuận chênh lệch giá từ 35.000 đồng/ 1 tấn lên 48.000 đồng/ 1 tấn phải được chia đều 05 phần, Bé Xuân K và Phạm Đức H được 04 phần lợi nhuận, Nguyễn Hồng N được 01 phần lợi nhuận, Nguyễn Hồng N đồng ý. Thực tế, việc ký kết hợp đồng và các bên đã thực hiện với giá 45.000 đồng/tấn. Đến ngày 01/4/2022, hai bên tiếp tục ký Phụ lục Hợp đồng số 01-2022/XMĐB-LV điều chỉnh đơn giá tăng lên 46.145,450 đồng/tấn.

[6] Do đó, có căn cứ xác định: Khoảng cuối năm 2019, các bị cáo Bé Xuân K, Phạm Đức H sau khi tham khảo giá trên địa bàn và giá tự tính toán xác định giá bốc xúc, vận chuyển đá sét khoảng 35.000 đồng/tấn. Các bị cáo Phạm Đức H, Bé Xuân K được phân công đi khảo sát giá cũng như nắm bắt được tình hình thông tin về giá của đơn vị; các bị cáo Phạm Đức H, Bé Xuân K đã bàn bạc thống nhất báo cáo nâng giá lên 48.000 đồng/tấn nhằm hưởng lợi số tiền chênh lệch. Sau khi thống nhất với Bé Xuân K, Phạm Đức H đã gọi điện cho Nguyễn Hồng N để cùng thống nhất về giá trên hợp đồng và số tiền chênh lệch so với chi phí thực tế sẽ cùng chia nhau số tiền chênh lệch. Nếu Công ty L muốn ký được hợp đồng thì lợi nhuận phải được chia đều 05 phần; Bé Xuân K và Phạm Đức H được 04 phần, trong đó có 2 phần Phạm Đức H nói dối Nguyễn Hồng N là chia cho lãnh đạo Công ty Xi măng Đ; Nguyễn Hồng N mong muốn được ký hợp đồng cũng như mong muốn được thuận lợi trong việc thanh toán các hợp đồng đã thực hiện trước đó nên đã đồng ý theo yêu cầu của Phạm Đức H, Bé Xuân K. Từ tháng 6/2020 đến tháng 7/2022, Công ty L đã giao cho Công ty Xi măng Đ tổng khối lượng đá sét là **420.586,02 tấn**, tương ứng số tiền được thanh toán là **18.943.471.088 đồng**. Số tiền này Nguyễn Hồng N đóng thuế theo quy định 10% VAT là 1.894.347.108 đồng còn lại 17.049.124.000 đồng. Tổng số tiền chênh lệch giá Nguyễn Hồng N đã chuyển cho Phạm Đức H, Bé Xuân K theo thỏa thuận chia lợi nhuận sẽ là **[17.049.124.000 đồng – (420.586,02 tấn x 35.000 đồng/1 tấn)] x 4/5 = 1.862.890.720 đồng**. Số tiền này Phạm Đức H, Bé Xuân K hưởng lợi chia nhau mỗi bị cáo được 931.144.000 đồng. Hành vi nâng giá của Bé Xuân K và Phạm Đức H so với giá thực tế thỏa thuận với Nguyễn Hồng N để Nguyễn Hồng N

chấp nhận ký kết hợp đồng và thực hiện hợp đồng, nhằm hưởng tiền chênh lệch nhưng không báo cáo lại Công ty Xi măng Đ là hành vi gian dối, không trung thực với tập thể lãnh đạo Công ty Xi măng Đ, nhằm chiếm đoạt tài sản của Công ty Xi măng Đ. Bị cáo Nguyễn Hồng N biết rõ nhưng vẫn thực hiện theo yêu cầu của Bé Xuân K và Phạm Đức H là hành vi giúp sức.

[7] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Phạm Đức H, Bé Xuân K, Nguyễn Hồng N về tội Tham ô tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là không có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã thay đổi tội danh, truy tố các bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ cần được chấp nhận.

[8] Hành vi phạm tội các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo hộ; gây mất trật tự, trị an xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[9] Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo Phạm Đức H là người khởi xướng nên có vai trò cao nhất, bị cáo Bé Xuân K có vai trò thứ hai. Các bị cáo Phạm Đức H và Bé Xuân K cùng nhau thống nhất việc nâng giá để chiếm đoạt số tiền chênh lệch, bị cáo Nguyễn Hồng N biết rõ nhưng vì lo sợ không được ký hợp đồng nên vẫn làm theo, đã giúp sức cho Phạm Đức H và Bé Xuân K chiếm đoạt tiền của Công ty Cổ phần Xi măng Đ; bị cáo Nguyễn Hồng N là đồng phạm giúp sức, thứ yếu.

[10] Về nhân thân: Các bị cáo Phạm Đức H, Bé Xuân K, Nguyễn Hồng N đều là những người có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này các bị cáo đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật.

[11] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, mặc dù lúc đầu các bị cáo cho rằng bản thân không phạm tội nhưng quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo hành vi đã thực hiện, đều ăn năn hối cải xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo đều đã nộp đủ số tiền bồi thường thiệt hại tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, theo yêu cầu của bên bị hại, nên các bị cáo Phạm Đức H, Bé Xuân K, Nguyễn Hồng N được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Trước khi vụ án khởi tố, bị cáo Nguyễn Hồng N đã đến Công an tỉnh Lạng Sơn tố giác hành vi phạm tội của Bé Xuân K và Phạm Đức H, tự thú về hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo đã tích cực phối hợp với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án nên bị cáo Nguyễn Hồng N được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Phạm Đức H có

bố vợ là ông Đinh Văn V được tặng thưởng Huy hiệu 50 năm tuổi đảng, ông nội là ông Phạm Ngọc B được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo Bé Xuân K có bản nhận xét của Bí thư chi bộ thôn về việc tại địa phương bị cáo là một công dân tiêu biểu, luôn chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách, tích cực gương mẫu đi đầu ủng hộ trong các phong trào địa phương, mẹ đẻ của bị cáo là bà Phạm Thị H được tặng Bằng khen, bố đẻ là ông Bé Xuân K được tặng Bằng khen và Huân chương kháng chiến; bị cáo Nguyễn Hồng N có ông nội là ông Nguyễn Khánh T được tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Người được ủy quyền của bị hại (Công ty Xi măng Đ) xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo Phạm Đức H, Bé Xuân K, Nguyễn Hồng N, đề nghị cho bị cáo Nguyễn Hồng N được cải tạo tại địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo Phạm Đức H, Bé Xuân K và bị cáo Nguyễn Hồng N được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[12] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo chỉ phạm tội một lần với phương thức thống nhất nâng giá đối với một hợp đồng để ăn chia tiền chênh lệch nên các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[13] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần xử các bị cáo Phạm Đức H, Bé Xuân K mức án tù có thời hạn để cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định, tương xứng với hành vi phạm tội các bị cáo đã gây ra, nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo, đảm bảo công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm. Đối với bị cáo Nguyễn Hồng N là người có nhân thân tốt; tham gia đồng phạm giúp sức, thứ yếu, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm. Ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật; có khả năng tự cải tạo, Hội đồng xét xử thấy xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng là thỏa đáng.

[14] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và diễn biến vụ án nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[15] Về phần bồi thường thiệt hại: Bị cáo Nguyễn Hồng N tự nguyện nộp tại Cục Thi hành án dân sự số tiền 150.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại, người được bị hại ủy quyền chấp nhận và không có yêu cầu bị cáo Nguyễn Hồng N phải bồi thường thêm; Hội đồng xét xử cần công nhận sự thỏa thuận này. Cũng tại tòa, người được bị hại ủy quyền yêu cầu bị cáo Phạm Đức H phải bồi thường 900.000.000 đồng, bị cáo Phạm Đức H và gia đình đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, 383.000.000 đồng; tự nguyện dùng số tiền 275.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2021/000587 ngày 17-01-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, (do Phạm Văn G nộp trong quá trình điều tra, nguồn gốc số tiền này Phạm Văn G đã vay của Phạm Đức H trước đó) để thi hành án; tự nguyện dùng số tiền hiện đang phong tỏa trong 02 tài khoản của bị cáo là

242.238.425 đồng để thi hành án. Hội đồng xét xử cần công nhận sự thỏa thuận này. Người được bị hại ủy quyền yêu cầu bị cáo Bé Xuân K phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử cần buộc bị cáo Bé Xuân K phải bồi thường cho bị hại số tiền 931.144.000 đồng; gia đình bị cáo Bé Xuân K đã nộp 990.000.000 đồng, sau khi khấu trừ số tiền còn lại trả lại bị cáo Bé Xuân K.

[16] Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[16.1] Đối với 02 chiếc điện thoại đang thu giữ của bị cáo Phạm Đức H và bị cáo Bé Xuân K, do các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, hóa giá, nộp ngân sách Nhà nước.

[16.2] Đối với chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 35A-201.58 kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Phạm Đức H thu giữ của bị cáo Phạm Đức H, cần trả lại cho bị cáo.

[16.3] Đối với 01 xe ô tô con biển kiểm soát 12A-064.83 kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Bé Xuân K và 01 Giấy chứng nhận kiểm định thu giữ của bị cáo Bé Xuân K, cần trả lại cho bị cáo.

[16.4] Đối với 01 máy xúc nhãn hiệu KOMASU 300-8 do Công ty H giao nộp, người đại diện Công ty H xác nhận đây là tài sản thuộc sở hữu của các bị cáo Phạm Đức H, Bé Xuân K, Công ty H chỉ thuê sử dụng. Các bị cáo Phạm Đức H, Bé Xuân K cũng khai nhận đây là tài sản do các bị cáo cùng mua chung nên cần trả lại cho các bị cáo.

[16.5] Đối với 01 xe tải biển kiểm soát 90C – 048.98 do Hoàng Doãn A giao nộp cho Cơ quan điều tra, cả Hoàng Doãn A, Phạm Đức H và Bé Xuân K đều xác nhận đây là xe của Phạm Đức H và Bé Xuân K nên cần trả lại cho các bị cáo.

[17] Đối với các tài khoản ngân hàng của bị cáo Phạm Đức H và Bé Xuân K hiện đang bị phong tỏa. Xét thấy, bị cáo Phạm Đức H cùng gia đình đã nộp tiền để thi hành án, tự nguyện dùng tiền đã thu giữ và dùng tài khoản đang bị phong tỏa để thi hành án tương ứng với số tiền phải bồi thường, nên cần hủy bỏ lệnh phong tỏa sau khi bị cáo đã bồi thường đủ cho bị hại. Bị cáo Bé Xuân K đã nộp đủ số tiền để bồi thường nên cần hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản đối với bị cáo Bé Xuân K.

[18] Đối với thửa đất số 267 tờ bản đồ 71, diện tích 344m² tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn và thửa đất số 310, tờ bản đồ số 55, diện tích 83m² tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, xác định các bị cáo Phạm Đức H và Bé Xuân K đã sử dụng tiền có được do phạm tội để cùng chung với những người khác mua 02 thửa đất này. Tuy nhiên, các bị cáo đã nộp đủ tiền bồi thường nên cần Hủy bỏ việc tạm dừng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Công văn số 1087/CQĐT ngày 28-11-2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đối với 02 thửa đất nêu trên.

[19] Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn G, Đỗ Cao S, Đinh Công H đều khẳng định không biết, cũng không được nhận khoản tiền nào liên quan đến việc

nâng giá hợp đồng bốc xúc, vận chuyển giữa Công ty Xi măng Đ với Công ty L; một số khoản tiền Phạm Văn G nhận được từ Phạm Đức H là tiền vay cá nhân; tiến hành đối chất, các bên vẫn giữ nguyên lời khai, do đó không có căn cứ để xác định Phạm Văn G, Đỗ Cao S, Đinh Công H đồng phạm với các bị cáo.

[20] Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nguyễn Hồng N đã chuyển khoản và đưa tiền mặt cho Bé Xuân K và Phạm Đức H số tiền là 6.705.252.000 đồng. Tuy nhiên, trong đó số tiền nâng giá, chênh lệch giá do phạm tội mà có như đã phân tích nêu trên là 1.862.890.720 đồng; số tiền còn lại là giao dịch dân sự giữa các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[21] Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã xác định: Tập đoàn Xi măng T; anh Phạm Văn G, ông Đỗ Cao S, anh Đinh Công H, anh Phùng Quang H, anh Hoàng Quốc A, anh Lê Thái T, chị Hoàng Thị Phương D, anh Nguyễn Bá P, chị Đỗ Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, qua tranh tụng tại Tòa, thấy rằng những người này phần quyết định của Bản án không tuyên về quyền lợi của họ nên xác định họ là người tham gia tố tụng khác.

[22] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do các bị cáo bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước.

[23] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, của người bào chữa, đề nghị nào phù hợp với nhận định trên thì được chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được chấp nhận.

[24] Các bị cáo, bị hại, người đại diện theo ủy quyền của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17 Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Đức H;

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17 Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bé Xuân K;

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, r, s, t khoản 1, 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 65, Điều 17, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Hồng N;

Căn cứ vào các Điều 274, Điều 275, Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Đức H, Bé Xuân K, Nguyễn Hồng N phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Phạm Đức H 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-8-2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.2. Xử phạt bị cáo Bé Xuân K 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-8-2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng N 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 26-4-2024.

Giao bị cáo Nguyễn Hồng N cho Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

3.1. Công nhận sự thỏa thuận, bị cáo Phạm Đức H phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Xi măng Đ số tiền 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng. Xác nhận gia đình bị cáo đã nộp để thi hành án số tiền là 383.000.000 (ba trăm tám mươi ba triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số 0006066 ngày 26-4-2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn; xác nhận sự tự nguyện của bị cáo và gia đình dùng số tiền 275.000.000 (hai trăm bảy mươi lăm triệu) đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2021/000587 ngày 17-01-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, (Phạm Văn G nộp trong quá trình điều tra do đã vay của Phạm Đức H) để thi hành án; xác nhận tự nguyện của bị cáo và gia đình dùng số tiền hiện đang phong tỏa trong 02 tài khoản của bị cáo là 242.238.425 đồng để thi hành án. Bị cáo Phạm Đức H đã nộp đủ tiền để thi hành án.

3.2. Buộc bị cáo Bé Xuân K phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Xi măng Đ số tiền 931.144.000 (chín trăm ba mươi một triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng. Xác nhận gia đình bị cáo Bé Xuân K đã nộp 990.000.000 (chín

trăm chín mươi triệu) đồng để thi hành án theo Biên lai thu tiền số 0006064 ngày 25-4-2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, sau khi khấu trừ số tiền còn lại trả lại cho bị cáo Bế Xuân K là 58.856.000 (năm mươi tám triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

3.3. Công nhận sự thỏa thuận, bị cáo Nguyễn Hồng N phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Xi măng Đ số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Xác nhận bị cáo đã nộp đủ 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số 0006065 ngày 26-4-2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

4. Về xử lý vật chứng:

4.1. Tịch thu, hóa giá, nộp Ngân sách Nhà nước:

- 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 PRO MAX, màu đen, số IMEI: 355660523922930. Máy cũ đã qua sử dụng (bị vỡ một mắt cam sau).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 PROMAX, màu vàng, số IMEI: 359735193427380. Máy cũ đã qua sử dụng.

4.2. Trả lại cho các bị cáo Phạm Đức H và Bế Xuân K:

- 01(một) xe ô tô tải biển kiểm soát: 90C – 048.98, loại xe: Tải tự đổ, nhãn hiệu TM7, số loại DF11888D, màu sơn: xanh, dung tích xi lanh: 4257cm³, số máy: YC4E16020E37S4F00585, số khung: RRT11885DF1A00092, trọng tải: 8660 kg số chỗ ngồi: 3 chỗ, sản xuất năm 2015. Xe cũ, đã qua sử dụng, trong xe không có đồ vật, tài sản.

- 01 (một) máy xúc nhãn hiệu KOMASU 300-8, màu vàng, số máy: KMTPC 191J54A90678, số khung: KMTPC191J54A90678 không có biển kiểm soát, không có chìa khoá xe, xe cũ đã qua sử dụng. Xe không đăng ký phương tiện tại Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn theo biên bản xác minh ngày 19/10/2023 tại Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn. Trong xe không có đồ vật, tài sản.

4.3. Trả lại cho bị cáo Phạm Đức H: 01(một) xe ô tô con biển kiểm soát: 35A – 201.58, loại xe: ô tô con, nhãn hiệu HYUNDAI, số loại ACCENT 1.4 AT HGS, màu sơn: đen, dung tích xi lanh: 1368cm³, số máy: G4LCLF708565, số khung: RLUA441BBLN043339, chỗ ngồi: 5 chỗ, sản xuất năm 2020. Xe cũ, đã qua sử dụng, trong xe không có đồ vật, tài sản kèm theo 01(một) chứng nhận đăng ký xe ô tô, mang tên Phạm Đức H, do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Bình cấp ngày 01/10/2020.

4.4. Trả lại cho bị cáo Bế Xuân K: 01(một) xe ô tô con biển kiểm soát: 12A - 064.83, loại xe: ô tô con, nhãn hiệu HYUNDAI, số loại GRAND I10, màu sơn: Trắng, dung tích xi lanh: 1248cm³, số máy: G4LAGM035624, số khung: MALA851CBHM453204, chỗ ngồi: 5 chỗ, sản xuất năm 2016. Xe cũ, đã qua sử dụng, trong xe không có đồ vật, tài sản kèm theo 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008126 do CAT Lạng Sơn cấp ngày 31/5/2021, mang tên Bế Xuân K, 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KD 8575089.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16-10-2023).

5. Hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số:

- 17/LPTTK ngày 24-8-2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đối với số tiền 208.502.031 đồng trong tài khoản 8414222218888, số tiền 33.736.394 đồng trong tài khoản 8412215032955 tại Ngân hàng A chi nhánh tỉnh Lạng Sơn của Phạm Đức H, sau khi bị cáo Phạm Đức H thi hành xong toàn bộ phần bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần Xi măng Đ (nêu tại mục 3.1).

- 16/LPTTK ngày 24-8-2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đối với số tiền 187.825.001 đồng trong tài khoản 8414111138888, số tiền 542.061 đồng trong tài khoản 8412215032847 tại Ngân hàng A chi nhánh tỉnh Lạng Sơn của Bế Xuân K.

6. Hủy bỏ việc tạm dừng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Công văn số 1087/CQĐT ngày 28-11-2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đối với 02 thửa đất: Thửa đất số 267, tờ bản đồ 71, diện tích 344m² tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên mang tên ông Lương Văn T và bà Vi Thị T, trú tại thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn và thửa đất số 310, tờ bản đồ số 55, diện tích 83m² tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Hiện sổ đất mang tên ông Vi Văn Đ, trú tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 20/8/2014, ông Vi Văn Đ làm giấy tặng cho cho ông Vi Văn Đ và bà Hoàng Thị N, trú tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, theo hồ sơ số 00348.TA,001.

7. Về án phí: Các bị cáo Phạm Đức H, Bế Xuân K và Nguyễn Hồng N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng PV06, PC03, CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Người TGTG khác;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, Tòa HS, HS vụ án.

Chu Long Kiêm

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hùng Cường

Phùng Đức Chính

Chu Long Kiêm

Nông Dương Minh

Lã Xuân Trường

